TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 08-01-2021
V/v tranh chấp "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lương Viết Tú**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Thiệm**
Ông **Đỗ Minh Thân**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc** là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh P

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P tham gia phiên toà: Ông **Hoàng Tuấn Dũng** - Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phan Thị Anh Đ**, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Khu 19, xã Đ, huyện T, tỉnh P.
Chỗ ở: Khu 15, xã D, huyện T2, tỉnh P. (Vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Trần Hồng P**, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Khu 19, xã Đ, huyện T, tỉnh P.
Chỗ ở: Khu 4, xã Đ, huyện T, tỉnh P.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, được bổ sung bằng bản tự khai ngày 02/11/2020 nguyên đơn là chị Phan Thị Anh Đ trình bày***:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P tự nguyện kết hôn với nhau ngày 05/12/2008, đăng ký tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ăn, ở chung tại nhà bố mẹ anh P, đến năm 2014 thì ở riêng. Tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không có trách nhiệm với vợ con hay uống rượu và đi chơi đêm, nhiều lần anh P đã đánh chị. Thời gian trước đây chị đã gửi đơn đến Tòa án để xin ly hôn nhưng sau đó chị lại rút đơn để anh P có cơ hội sửa đổi và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên vợ chồng quay về chung sống được 5 tháng nhưng anh P vẫn không sửa đổi. Do đó vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 20/9/2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn chị đề nghị ly hôn anh P.

- Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 28/5/2009; cháu Trần Đức B, sinh ngày 08/8/2015. Hiện nay cháu K ở với anh P, cháu

B ở với chị. Ly hôn chị đề nghị nuôi cháu B, giao cho anh P nuôi cháu K. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức: Chị Đ không đề nghị tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2020 bị đơn là anh Trần Hồng P trình bày***:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định thủ tục kết hôn như Chị Đ trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng ăn ở chung tại nhà của bố mẹ anh, đến năm 2014 thì làm nhà và ăn ở riêng. Tình cảm vợ chồng bước đầu hoà thuận hạnh phúc, sau đó có phát sinh mâu thuẫn, thỉnh thoảng có cãi nhau, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị Đ đã nhiều lần gửi đơn đến Tòa án, sau đó vợ chồng hòa giải nên lại quay về chung sống. Hiện nay Chị Đ đã bỏ về ở nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân. Mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, nếu vài năm nữa mà vợ chồng không thể chung sống được thì giải quyết ly hôn sau.

- Về con chung: Anh và Chị Đ có 02 con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 28/5/2009; cháu Trần Đức B, sinh ngày 08/8/2015. Hiện nay cháu K ở với anh, cháu B ở với chị Đ. Nếu ly hôn anh đồng ý với quan điểm của Chị Đ anh nuôi cháu K, còn Chị Đ nuôi cháu B. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh P không đề nghị tòa án giải quyết.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa (có bài phát biểu lưu trong hồ sơ):***

** Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.*

** Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đ: Xử cho Chị Đ được ly hôn anh P; Về con chung: Giao cho Chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Đức B, sinh ngày 08/8/2015, giao cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Gia K, sinh ngày 28/5/2009 cho đến khi các cháu thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau;*

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này;

Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Chị Đ, anh P do điều kiện bận công việc nên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ Khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Đ kết hôn với anh P vào năm 2008, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P, đây là một hôn nhân hợp pháp. Chị Đ xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay, tình cảm không còn, chị đề nghị được ly hôn; anh P xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nhưng anh P mong muốn được đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy các con.

Xét thấy kể từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh P và Chị Đ không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, hai bên đã sống ly thân được thời gian đã lâu, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tháng 12/2019 Chị Đ đã đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn để về đoàn tụ nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân của anh P Chị Đ được UBND xã Đ cho biết vợ chồng anh P và Chị Đ trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân không còn chung sống, Chị Đ đã về nhà mẹ đẻ tại Khu 15, xã D, huyện T2 sinh sống. Do vậy HĐXX thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đ, xử cho chị được ly hôn anh P tránh ràng buộc không có lợi. Việc anh P đề nghị xin đoàn tụ là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh P và Chị Đ có 02 con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 28/5/2009; cháu Trần Đức B, sinh ngày 08/8/2015. Hiện nay cháu K đã trên 7 tuổi và đang ở ổn định với anh P, nguyện vọng của cháu K là được ở với cả bố và mẹ; cháu B còn nhỏ đang ở ổn định với chị Đ.

Chị Đ đề nghị nuôi cháu B, giao cho anh P nuôi cháu K. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P đồng ý với quan điểm của Chị Đ về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó cần giao cho anh P trực tiếp nuôi cháu K và giao cho Chị Đ nuôi cháu B, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị Đ và anh P không đề nghị Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4]Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo Bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điều 273; Khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Anh Đ được ly hôn anh Trần Hồng P.

2. Về con chung: Xử giao cho anh Trần Hồng P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Gia K, sinh ngày 28/5/2009; giao cho chị Phan Thị Anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Đức B, sinh ngày 08/8/2015; kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu K, cháu B thành niên.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị Đ và anh P không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0000648 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm **Đỗ Minh Thân** **Lương Viết Tú**

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Viết Tú